

phương, phải kèm theo một bản kế hoạch phân phối số tiền đó về tỉnh nào, bao nhiêu, để mua hàng gì, khối lượng bao nhiêu và trong thời gian bao lâu.

2) Sau khi Ngân hàng trung ương đồng ý cho vay, Tổng công ty ký giấy nhận nợ rồi Ngân hàng trung ương làm giấy chuyển tiền về Chi nhánh Ngân hàng địa phương ghi vào tài khoản của Công ty được phân phối. Đồng thời Tổng công ty được vay cũng báo cho Công ty biết số tiền đã chuyển và dùng làm gì.

3) Khi nhận được giấy báo tiền chuyển về, Công ty phải dựa theo chỉ thị trên lập kế hoạch thu mua và kế hoạch xin rút số tiền đó báo cho Chi nhánh Ngân hàng địa phương để Chi nhánh Ngân hàng theo dõi việc sử dụng vốn vay. Các Công ty Mậu dịch khi bán hàng phải nộp tiền vào Ngân hàng và không được sử dụng tiền thu được để chi vào việc thu mua.

4) Số tiền phân phối về chỉ được sử dụng theo đúng kế hoạch thu mua đã gửi cho Chi nhánh Ngân hàng địa phương, không được đem chi ngoài kế hoạch như trả lương, nộp thuế (trừ thuế hàng hóa), v.v...

5) Trong khi thu mua, các Công ty phải thường xuyên theo dõi nắm chắc tình hình thu mua ở các trạm. Trường hợp còn thừa vốn không thu mua hết, Công ty phải kịp thời chuyển trả ngay cho Tổng công ty để Tổng công ty báo cáo Bộ Thương nghiệp và Ngân hàng trung ương có kế hoạch phân phối cho nơi khác, hoặc để Tổng công ty trả lại cho Ngân hàng. Tránh tình trạng để đọng vốn.

6) Căn cứ vào kế hoạch thu mua đã được duyệt, Chi nhánh Ngân hàng địa phương có trách nhiệm bảo đảm đủ số tiền cho các Công ty vay, và tùy theo địa điểm thu mua xa hoặc gần, mức độ thực hiện kế hoạch của từng Công ty mà định thời hạn phạt tiền kịp thời cho các Công ty thu mua; tránh tình trạng phát tiền chậm hoặc thiếu tiền ảnh hưởng đến kế hoạch thu mua.

7) Trong phạm vi kế hoạch thu mua, Chi nhánh Ngân hàng địa phương có nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc các Công ty thực hiện đúng kế hoạch, thường xuyên kiểm tra sổ sách và hàng hóa của các Công ty. Nếu số tiền đã cho vay dùng không đúng kế hoạch, Ngân hàng có quyền đình chỉ phát tiền ra và báo cáo lên Ngân hàng trung ương giải quyết.

8) Đi đôi với việc tung tiền ra thu mua, các Ủy ban Hành chính địa phương có trách nhiệm lãnh đạo chặt chẽ các Công ty Mậu dịch và Chi nhánh Ngân hàng địa phương đặt kế hoạch bán hàng ra, thu tiền về cho ăn khớp.

9) Bộ Thương nghiệp và Ngân hàng quốc gia Việt nam chịu trách nhiệm quy định chi tiết về những điều trên đây và hướng dẫn cụ thể cho các địa phương thi hành.

Hà nội, ngày 7 tháng 1, năm 1958

Thủ trưởng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

LIÊN BỘ

THƯƠNG NGHIỆP — NGÂN HÀNG

THÔNG TƯ số 07-TD/TCN ngày 28-2-1958 giải thích việc thi hành chỉ thị số 014-TTg ngày 7-1-1958 của Thủ tướng Chính phủ quy định tạm thời nguyên tắc về việc Ngân hàng quốc gia cho Mậu dịch Quốc doanh vay tiền để thu mua nông, lâm, thổ, hải sản và hàng hóa.

MỤC

MỤC ĐÍCH Ý NGHĨA VIỆC THU MUA

Vấn đề thu mua là một vấn đề rất cần thiết và quan trọng, vì có thực hiện được kế hoạch thu mua thì Nhà nước mới nắm được vật tư, để có lực lượng bình ổn vật giá, cải tạo xã hội chủ nghĩa thương nghiệp tư bản tư doanh, đảm bảo nguyên liệu cho các nhà máy quốc doanh và các xưởng thủ công, tiếp tế thực phẩm cho bộ đội, cán bộ, công nhân, nhân dân thành thị, để có hàng xuất khẩu, hàng dự trữ cho Nhà nước và để giúp nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa.

Trong các năm qua, Nhà nước đã bỏ ra một số tiền lớn để thu mua các loại nông, lâm, thổ, hải sản và các loại hàng gia công. Số tiền mặt Ngân hàng quốc gia bỏ ra cho Mậu dịch vay để thu mua, đã giúp vào việc thực hiện kế hoạch khôi phục và phát triển nông nghiệp, đảm bảo kế hoạch công nghiệp (cung cấp nguyên liệu, thực phẩm cho nhà máy) và kế hoạch thương nghiệp (Mậu dịch có lực lượng bình ổn thị trường và để xuất khẩu) cũng như kế hoạch dự trữ của Nhà nước. Tiền mặt tung ra thị trường đã có hàng hóa trong tay Nhà nước đảm bảo.

Nhưng trong việc thu mua của Mậu dịch cũng như việc cho vay của Ngân hàng còn nhiều thiếu sót: mạng lưới thu mua chưa được tổ chức rộng rãi, cán bộ thu mua thiếu, kho tàng chuẩn bị chưa đầy đủ. Việc thu mua tiến hành ở các địa phương, trái lại việc cho vay của Ngân hàng lại

làm ở Trung ương cho các Tổng Công ty và các Tổng Công ty phân phối lại cho các Công ty địa phương do đó việc cung cấp phương tiện tiền tệ thường bị động và chậm, không sát yêu cầu. Ngân hàng Trung ương không thực hiện được việc kiểm tra sử dụng vốn, không nắm được tình hình thực hiện kế hoạch thu mua để chuẩn bị vốn kịp thời và vận dụng vốn cho linh hoạt. Các Chi nhánh Ngân hàng địa phương không tham gia vào việc kiểm tra, theo dõi việc sử dụng tiền vay vào thu mua. Các cấp chính quyền, đoàn thể địa phương còn chưa quan tâm đúng mức đến việc giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát thu mua.

Trong lúc chờ đợi Mậu dịch quốc doanh phân cấp quản lý và Ngân hàng Trung ương giao cho các tổ chức Ngân hàng địa phương trực tiếp cho vay, để sửa chữa tình trạng trên, ngày 7-1-1958, Thủ tướng Chính phủ đã ra chỉ thị số 014-TTg quy định một số nguyên tắc tạm thời Ngân hàng cho Mậu dịch quốc doanh vay để thu mua. Trong tình trạng hiện nay Ngân hàng trung ương trực tiếp cho các Tổng Công ty vay tiền và chuyển tiền vay của các Tổng Công ty về cho các Công ty địa phương. Các chi nhánh Ngân hàng tỉnh thay mặt Ngân hàng trung ương có trách nhiệm cùng các Ty Công thương kiểm soát việc sử dụng các số tiền vay. Việc thu nợ cũng tạm thời do Ngân hàng trung ương làm.

Liên bộ Thương nghiệp và Ngân hàng quốc gia Việt-nam quy định những chỉ tiết thi hành chỉ thị trên như sau :

MỤC II

VIỆC CHO VAY THU MUA VÀ THU HỒI NỢ CỦA NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG :

a) Đối tượng cho vay :

Điều 1. — Ngân hàng quốc gia cho Mậu dịch quốc doanh vay để thu mua các loại lương thực, thực phẩm, lâm thổ sản, nông hải sản, cụ thể là : thóc, gạo, ngô, đỗ, vừng, lạc, khoai, sắn, thịt, đường, chè, bông, thuốc lá, đay, gai, cói, thầu dầu, sa nhân, hoa hồi, v.v... và các hàng gia công đặt trước như bát đĩa, đồ gia đình, giày vải, maillot, bit tất, v.v... được Nhà nước chuẩn y cho thu mua.

b) Mức tiền cho vay :

Điều 2. — Căn cứ vào kế hoạch thu mua từng vụ, từng thời kỳ đã được Nhà nước duyệt y, Ngân hàng quốc gia tính toán mức tiền cho vay theo giá mua kế hoạch cộng thêm tiền cước phí vận chuyển và thuế hàng hóa (trong trường hợp Mậu dịch quốc doanh phải trả thuế ấy). Còn những phương tiện-khác để thực hiện thu mua thì do vốn lưu động riêng của Mậu dịch quốc doanh thỏa mãn.

Điều 3. — Ngân hàng quốc gia cho vay tiền cần thiết dần dần theo mức thực hiện kế hoạch thu mua đã được Nhà nước duyệt y với các điều kiện.

1) Toàn bộ hệ thống Mậu dịch quốc doanh phải bảo đảm được các chỉ tiêu thu mua và bán ra để đảm bảo ổn định vật giá và tiền tệ.

2) Mậu dịch quốc doanh phải nộp tất cả các khoản tiền bán hàng và các khoản thu khác vào Ngân hàng, trừ số tiền đã quy định được giữ lại tại quỹ để trả lương, chi tiền vật, v.v... Trong quá trình tung tiền ra thu mua, Mậu dịch quốc doanh cần cố gắng tăng cường các khoản thu, đảm bảo kế hoạch thu chi tiền mặt của hệ thống thương nghiệp quốc doanh đã được Nhà nước duyệt y cho từng quý, có chia từng tháng để đề phòng tình trạng thị trường không ổn định có thể xảy ra.

Điều 4. — Trường hợp cần thu mua vượt mức kế hoạch đã được Nhà nước duyệt y, Mậu dịch quốc doanh phải báo cáo lên Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn. Sau khi được Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Thủ tướng Chính phủ đồng ý, Mậu dịch quốc doanh sẽ được tiếp tục vay thêm tiền dần dần để thực hiện phần vượt mức kế hoạch đã được duyệt y.

c) Thời hạn cho vay

Điều 5. — Thời hạn cho vay căn cứ vào thời gian thu mua dài hay ngắn của từng loại sản phẩm đã định trong kế hoạch được Nhà nước duyệt y. Nhưng, nói chung thời hạn cho vay thu mua đối với bất cứ loại sản phẩm nào cũng không được quá 3 tháng.

Điều 6. — Trong quá trình thu mua, các vật tư được phân phối, và sử dụng đi chừng nào, Mậu dịch quốc doanh phải trả bớt nợ cho Ngân hàng chừng ấy. Sau khi hoàn thành kế hoạch thu mua, nếu Mậu dịch chưa trả hết nợ, Ngân hàng sẽ cho vay một khoản mới về dự trữ tồn kho để trả hết các khoản nợ vay về thu mua. Mức tiền cho vay về tồn kho tính theo giá trị hàng tồn kho theo kế hoạch được Bộ Thương nghiệp và Thủ tướng Chính phủ duyệt y, trừ đi số vốn lưu động tự có của Mậu dịch.

Điều 7. — Thời hạn cho vay về dự trữ tồn kho sẽ căn cứ vào thời gian phân phối và sử dụng đã định theo kế hoạch tồn kho của vật tư thu mua được.

Điều 8. — Khi vay về dự trữ tồn kho, Mậu dịch quốc doanh phải có kế hoạch trả dần bớt nợ và trả hết nợ đưa cho Ngân hàng. Việc trả bớt nợ có thể tiến hành mỗi tháng 2 hoặc 3 kỳ tùy theo sự thỏa thuận giữa đôi bên. Ngân hàng sẽ căn cứ vào kế hoạch đó mà thu hồi nợ về. Mậu dịch phải có trách nhiệm đảm bảo kế hoạch trả nợ của mình đối với ngân hàng.

Điều 9. — Khi hết thời hạn vay về dự trữ tồn kho, nếu vì nguyên nhân khách quan mà các vật tư chưa được phân phối và sử dụng hết, Mậu dịch quốc doanh có thể trình bày lý do xin gia thêm thời hạn. Nhưng nếu do nguyên nhân chủ quan gây nên, Mậu dịch quốc doanh phải trả hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp không trả được hết nợ, Ngân hàng sẽ chuyển qua «nợ quá hạn» và tăng lợi suất 1 gấp rưỡi đối với số tiền nợ quá hạn trong những ngày quá hạn. Đơn vị Mậu dịch phải thanh toán xong số nợ quá hạn rồi mới được xin vay khoản khác.

Những nguyên nhân khách quan và chủ quan có thể là:

Khách quan:

— Trường hợp phải thu mua làm thổ sản của nông dân vượt kế hoạch, sau khi được cấp trên duyệt ý.

— Phương tiện vận tải thiếu làm cho việc vận chuyển chậm, khiến các vật tư không sử dụng kịp thời, bị ứ đọng trong một thời gian lâu, sau khi xuất trình giấy tờ chứng minh không phải do tổ chức Mậu dịch không có kế hoạch trước.

— Bao bì thiếu do lỗi của người cung cấp bao bì, khiến việc đóng gói gửi hàng hóa đi bị chậm, v.v...

— Việc chuyển tiền của các Công ty Mậu dịch nộp về Tổng Công ty làm chậm, do nhầm lẫn, thiếu sót trong thủ tục chuyển tiền của cán bộ Ngân hàng làm cho Tổng Công ty không bảo đảm được kế hoạch thanh toán nợ đối với Ngân hàng.

Chủ quan:

— Do việc bảo quản kém, các vật tư bị hư hỏng, hoặc phẩm chất bị giảm nên bán chậm, hoặc không bán được.

— Việc phân phối không hợp lý, nơi thừa nơi thiếu mà không có sự điều chỉnh lại kịp thời để các vật tư bị ứ đọng lâu, v.v...

d) Thủ tục giấy tờ xin vay:

Điều 10. — Sau khi kế hoạch thu mua đã được Nhà nước duyệt ý, Tổng Công ty xin vay vốn cử đại diện có thẩm quyền trực tiếp đến Ngân hàng họp bàn kế hoạch vay, trả, kế hoạch phân phối và chuyển tiền về các Công ty địa phương, v.v... Nếu Ngân hàng trung ương đồng ý cho vay, Tổng Công ty vay tiền phải gửi tới Ngân hàng:

- Một đơn xin vay,
- Ba bản khế ước đã ký nhận nợ,
- Một bản kế hoạch vay trả,
- Một bản phân phối số tiền vay về các địa phương nào, bao nhiêu, để thu mua gì, khối lượng bao nhiêu và trong thời gian bao lâu?

— Một bản tình hình tồn kho gần nhất về những mặt hàng thu mua. Nếu có thể thì trình xuất Ngân hàng quốc gia bản cân đối tài sản mới nhất.

— Kèm theo một bản kế hoạch thu mua đã được Nhà nước duyệt ý.

Ngân hàng trung ương cho vay, ghi ngày vào tài khoản của Tổng Công ty, rồi trích chuyển gộp cho các Công ty địa phương căn cứ vào bản phân phối của Tổng Công ty đã được Ngân hàng đồng ý.

MỤC III

**VIỆC CHUYỂN TIỀN VAY
CỦA TỔNG CÔNG TY CHO CÁC
CÔNG TY ĐỊA PHƯƠNG**

Điều 11. — Việc chuyển tiền vay của Tổng Công ty cho các Công ty Mậu dịch địa phương làm theo thể lệ chung về chuyển tiền của Ngân hàng quốc gia Việt nam. Dưới đây chỉ nêu mấy điểm cần thiết:

a) Tùy theo tổng số tiền cho vay nhiều, ít để thực hiện kế hoạch thu mua, Ngân hàng trung ương chuyển về các địa phương làm một kỳ hay nhiều kỳ để tránh tình trạng phát hành tập trung một lúc, không có lợi cho việc ổn định thị trường.

b) Việc chuyển tiền về các địa phương làm mấy lần, vào những ngày nào cần được thỏa thuận trước với Tổng Công ty và ghi vào bản phân phối số tiền vay của Tổng Công ty để Tổng Công ty báo cho các Công ty địa phương biết trước.

c) Sau khi nhận được giấy chuyển tiền của Ngân hàng trung ương gửi về, Chi nhánh Ngân hàng tỉnh ghi vào tài khoản của Công ty được phân phối, rồi kịp thời báo ngay cho Công ty đó biết đồng thời thúc đẩy họ làm kế hoạch sử dụng số tiền đó và kế hoạch thu mua giao cho Ngân hàng

MỤC IV

**VIỆC SỬ DỤNG TIỀN VAY CỦA CÁC
CÔNG TY ĐỊA PHƯƠNG**

Điều 12. — Khi Công ty Mậu dịch địa phương nhận được giấy báo có chuyển tiền của Chi nhánh Ngân hàng tỉnh, phải lập ngay kế hoạch thu mua và kế hoạch xin rút số tiền đó đưa cho Chi nhánh Ngân hàng. Trong kế hoạch xin rút tiền, Công ty Mậu dịch cần ghi rõ: sẽ rút số tiền được phân phối về làm mấy kỳ, vào những ngày nào, mang đi thu mua gì, ở đâu, để tiện cho việc kiểm tra sử dụng tiền vay của Chi nhánh Ngân hàng.

Điều 13. — Công ty Mậu dịch chỉ được sử dụng số tiền phân phối về vào việc thu mua (kể cả tiền

vận tải và thuế hàng hóa nếu có) theo đúng kế hoạch đã đưa cho Chi nhánh, không được đem chi ngoài kế hoạch như trả lương, nộp thuế (trừ thuế hàng hóa mà tổ chức Mậu dịch phải nộp).

Điều 14. — Trong trường hợp có xu hướng thừa vốn không thu mua hết, Công ty Mậu dịch phải kịp thời đề nghị Chi nhánh Ngân hàng trích tài khoản chuyển trả cho Tổng Công ty để Tổng Công ty báo cáo Bộ Thương nghiệp và Ngân hàng trung ương có kế hoạch phân phối cho nơi khác, hoặc để Tổng Công ty trả lại cho Ngân hàng Trung ương, tránh tình trạng ứ đọng vốn.

Điều 15. — Ngoài mức quy định được giữ tại quỹ đã được thỏa thuận với Ngân hàng, các Công ty Mậu dịch phải nộp hết tất cả các khoản tiền bán hàng và các khoản thu khác vào Chi nhánh Ngân hàng địa phương và khi cần lại được rút ra sử dụng chứ không được giữ lại quỹ để tọa chi mà không qua Ngân hàng.

Điều 16. — Đối với các cửa hàng Mậu dịch ở cách xa Chi nhánh Ngân hàng (đặc biệt ở các tỉnh miền núi) vừa làm nhiệm vụ mua và bán, Ủy ban hành chính tỉnh, Ty Công thương, Chi nhánh Ngân hàng và các Công ty Mậu dịch sẽ căn cứ vào khả năng thu mua nhiều ít của từng thời gian tại những nơi đó mà quy định mức tiền được giữ lại quỹ để tọa chi trong từng thời gian nhưng tất cả các khoản thu, chi đều phải thể hiện qua tài khoản trong Ngân hàng.

Điều 17. — Căn cứ vào kế hoạch xin rút tiền và kế hoạch thu mua đã được duyệt, Chi nhánh Ngân hàng địa phương có trách nhiệm đảm bảo đủ số tiền cho các Công ty vay. Thời hạn phát tiền cho các Công ty có thể kéo dài rút ngắn, và mức tiền phát mỗi lần có thể tăng thêm hay giảm bớt, tùy theo địa điểm thu mua xa, gần và mức độ thực hiện thực sự của kế hoạch nhiều, ít của các Công ty. Nhưng, điều cốt yếu là chi nhánh Ngân hàng địa phương phải đảm bảo phát tiền kịp thời cho các Công ty thu mua, tránh tình trạng phát tiền chậm, hoặc thiếu tiền ảnh hưởng đến kế hoạch thu mua, đồng thời cũng tránh tình trạng cấp phát thừa, làm vốn bị đọng, để phát sinh ra lãng phí tham ô.

MỤC V

VIỆC KIỂM TRA CỦA CHI NHÁNH NGÂN HÀNG TỈNH ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TY MẬU DỊCH ĐỊA PHƯƠNG

a) Kiểm tra sử dụng vốn vay:

Điều 18. — Chi nhánh Ngân hàng địa phương có quyền kiểm tra việc sử dụng các số tiền vay của các Công ty Mậu dịch vào việc thu mua theo đúng kế hoạch. Sau khi kế hoạch thu mua đã hoàn

thành, nếu tiền còn thừa, chỉ nhánh Ngân hàng có nhiệm vụ can thiệp, làm cho các Công ty địa phương phải kịp thời chuyển trả cho các Tổng Công ty. Tuyệt đối không để xảy ra tình trạng sử dụng tiền thu mua (kể cả tiền thu mua thừa) vào các việc khác, hoặc chuyển tiền thu mua của Công ty này qua việc thu mua của Công ty khác. Thí dụ: Công ty lương thực không được chuyển tiền thu mua của mình qua việc thu mua của Công ty lâm thổ sản. Việc sử dụng tiền thu mua mặt hàng này sang mặt hàng khác trong phạm vi kế hoạch của một Công ty cũng hết sức tránh. Thí dụ: tránh sử dụng tiền thuộc phạm vi kế hoạch thu mua ngô vào kế hoạch thu mua thóc, v.v... Trong trường hợp muốn sử dụng số tiền vay cho đối tượng này qua đối tượng khác, phải có sự đồng ý của Ngân hàng và của Ty Công thương, đại diện cho Bộ Thương nghiệp và Ủy ban Hành chính địa phương, nhưng không được vượt quá kế hoạch thu mua của từng đối tượng đã phân phối về cho địa phương.

Điều 19. — Trong quá trình thực hiện kế hoạch thu mua, nếu các Công ty sử dụng tiền vay không đúng mục đích đã định trước trong kế hoạch, Chi nhánh Ngân hàng địa phương có quyền đình chỉ phát tiền ra và báo cáo lên Ngân hàng trung ương và Bộ Thương nghiệp giải quyết.

Điều 20. — Sau khi hoàn thành kế hoạch, nếu tiền còn thừa, Công ty xin rút ra, Chi nhánh Ngân hàng nhất thiết không được phát tiền, đồng thời trích chuyển trả số tiền còn lại cho Tổng Công ty.

b) Kiểm soát việc phân phối và điều động vật tư đã thu mua được:

Điều 21. — Việc phân phối và điều động các vật tư thu mua được do Bộ Thương nghiệp và Tổng Công ty quyết định, rồi báo cho Ngân hàng Trung ương biết để theo dõi.

Điều 22. — Làm đảm bảo cho các số tiền vay là các vật tư đã thu mua được. Giá trị các vật tư đó (bao gồm giá mua thực sự, chi phí vận tải và thuế hàng hóa, nếu tổ chức Mậu dịch quốc doanh đã nộp cho Thuế vụ) phải tương đương với các số tiền đã vay để thu mua. Chi nhánh Ngân hàng có nhiệm vụ kiểm soát các vật tư đó về phương diện phân phối hay điều động để giúp Ngân hàng trung ương thu rút nợ về.

Điều 23. — Mỗi lần số lượng các vật tư bị giảm đi chừng nào do việc phân phối hay điều động, các Công ty phải xuất trình Chi nhánh Ngân hàng các giấy tờ chứng minh việc phân phối hay điều động đó, đồng thời báo cáo lên Tổng Công ty để Tổng Công ty báo cáo với Bộ Thương nghiệp và Ngân hàng trung ương. Chi nhánh Ngân hàng địa phương cũng ghi vào báo cáo tuần kỳ 10 ngày gửi về Ngân hàng trung ương.

Điều 24. — Chi nhánh Ngân hàng địa phương phải có kế hoạch tiến hành đều đặn việc kiểm soát các vật tư cho đến khi các vật tư được phân phối hay điều động hết mới thôi.

Điều 25. — Ngoài hai việc kiểm tra sử dụng vốn và phân phối hay điều động vật tư, Chi nhánh Ngân hàng địa phương còn có nhiệm vụ đôn đốc các Công ty Mậu dịch nộp tất cả các khoản tiền bán hàng và các khoản thu khác vào Ngân hàng, đồng thời kiểm soát không để các Công ty sử dụng các khoản tiền đó vào việc thu mua.

Điều 26. — Để việc theo dõi kiểm tra được chu đáo, Chi nhánh Ngân hàng địa phương có quyền kiểm tra các sổ sách, (sổ kho, sổ thu mua, v.v...) và hàng hóa của các Công ty, đòi hỏi các Công ty cung cấp các giấy tờ, số liệu cần thiết cho việc theo dõi kế hoạch thu mua và sử dụng tiền, đồng thời cử cán bộ trực tiếp đi kiểm tra tại chỗ các trạm thu mua để nắm được chắc tình hình thu mua mà chủ động phát tiền cho sát và kịp thời.

Việc kiểm tra này phải tiến hành có kế hoạch và phối hợp với các Ty Công thương.

Điều 27. — Cán bộ Ngân hàng phải tuyệt đối giữ gìn bí mật Nhà nước về việc thu mua cũng như về các hoạt động khác của Mậu dịch quốc doanh.

MỤC VI

VIỆC BÁO CÁO CỦA CHI NHÁNH NGÂN HÀNG VÀ CÔNG TY MẬU DỊCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 28. — Hàng tháng và cuối tuần kỳ 10 ngày một lần, Chi nhánh Ngân hàng và Công ty Mậu dịch địa phương làm báo cáo gửi về Ngân hàng trung ương và Tổng Công ty theo các điểm dưới đây:

Báo cáo tuần kỳ 10 ngày (bằng điện báo):

a) Kết quả thu mua (bao nhiêu tấn) từ khi bắt đầu thu mua đến ngày báo cáo — kết quả thu mua trong tuần kỳ.

b) Tổng số tiền đã bỏ ra thu mua bao nhiêu và trong tuần kỳ bao nhiêu.

c) Tổng số tiền trung ương chuyển về cho địa phương dùng để thu mua còn thừa bao nhiêu?

d) Tổng số các vật tư thu mua đã được phân phối và sử dụng bao nhiêu — trong tuần kỳ bao nhiêu?

Báo cáo hàng tháng:

a) Tình hình chung về thu mua của địa phương trong tháng.

b) Kết quả thu mua (bao nhiêu tấn), chất lượng vật tư thu mua, v.v...) từ khi bắt đầu thu mua đến ngày báo cáo — kết quả thu mua trong tháng.

c) Tổng số tiền đã bỏ ra thu mua từ ngày bắt đầu thu mua đến ngày báo cáo — số tiền bỏ ra thu mua trong tháng.

d) Tổng số tiền trung ương chuyển về cho địa phương dùng để thu mua được bao nhiêu, sử dụng hết bao nhiêu, còn bao nhiêu (kể từ ngày bắt đầu thu mua đến ngày báo cáo).

e) Tình hình phân phối và sử dụng vật tư thu mua được từ ngày bắt đầu thu mua đến ngày báo cáo — Tình hình phân phối và sử dụng trong tháng.

g) Tình hình bán hàng ra và nộp tiền vào Ngân hàng của các Công ty Mậu dịch địa phương trong tháng.

h) Kế hoạch phát tiền thu mua của chi nhánh Ngân hàng cho các Công ty địa phương tiến hành như thế nào? Có ưu khuyết điểm gì? Quan hệ giữa chi nhánh Ngân hàng và Công ty Mậu dịch như thế nào?

i) Triển vọng thu mua (vượt mức, không đạt kế hoạch...) dư luận của nông dân và dân chúng về việc thu mua phát tiền thu mua, hoạt động của tư thương.

k) Sự lãnh đạo và giúp đỡ của các cấp chỉ đạo địa phương trong việc thu mua.

l) Ý kiến nhận xét và đề nghị của Chi nhánh Ngân hàng hay của Công ty Mậu dịch.

Riêng trong báo cáo của Chi nhánh Ngân hàng cần thêm một điểm:

Kế hoạch theo dõi, kiểm tra việc sử dụng vốn và việc phân phối điều động vật tư ra sao? Gặp trở ngại khó khăn gì? Và đề nghị hướng giải quyết.

Cuối hàng tháng, Chi nhánh Ngân hàng và Công ty Mậu dịch cùng Ty Công thương họp để kiểm điểm theo những điểm trên, lập biên bản làm năm bản: một bản gửi cho ngân hàng Trung ương, một bản gửi cho Tổng Công ty, còn ba bản lưu ở chi nhánh Ngân hàng, Công ty Mậu dịch và Ty Công thương. Tổng Công ty tập hợp làm báo cáo gửi Bộ Thương nghiệp và Ngân hàng trung ương.

MỤC VII

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CẤP LÃNH ĐẠO

Điều 29. — Các Ủy ban Hành chính địa phương có nhiệm vụ:

a) Kiểm soát và đôn đốc việc thực hiện kế hoạch thu mua ở địa phương.

b) Kiểm soát và đôn đốc các Công ty Mậu dịch đẩy mạnh bán hàng ra, thu tiền về cho ăn khớp với việc tung tiền ra thu mua, nhằm tránh tình trạng giá cả đột biến, làm cho thị trường được ổn định.

c) Kiểm soát việc bảo quản các kho tàng và sử dụng vật tư thu mua được.

d) Lãnh đạo chặt chẽ cho các Công ty Mậu dịch và Chi nhánh Ngân hàng địa phương đặt kế hoạch thi hành nghiêm chỉnh thông tư này.

e) Ủy ban Hành chính tỉnh tuyệt đối không được tự động chỉ thị cho các Công ty Mậu dịch địa phương thu mua ngoài kế hoạch. Trong trường hợp cần thiết phải thu mua ngoài kế hoạch, Ủy ban Hành chính các cấp khu, tỉnh có trách nhiệm báo cáo lên Bộ Thương nghiệp và Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 30. — Các Tổng Công ty Mậu dịch có trách nhiệm kiểm tra tận nơi, đôn đốc và hướng dẫn cụ thể cho các Công ty trực thuộc thi hành chu đáo thông tư này.

Điều 31. — Bộ Thương nghiệp và Ngân hàng quốc gia Việt-nam chịu trách nhiệm theo dõi và kiểm soát các Tổng Công ty, các Công ty và các Chi nhánh Ngân hàng địa phương trong việc thi hành thông tư này và báo cáo với Thủ tướng Chính phủ.

Hà-nội, ngày 28 tháng 2 năm 1958

K.T. Bộ trưởng	Tổng Giám đốc
Bộ Thương nghiệp,	Ngân hàng quốc gia Việt nam
Thủ trưởng	LÊ VIỆT LƯỢNG
ĐẶNG VIỆT CHÁU	

Y TẾ — THƯƠNG NGHIỆP

THÔNG TƯ số 20 ngày 3-2-1958 về vấn đề quản lý thuốc tây.

Kính gửi: Ông Chủ tịch Ủy ban Hành chính các khu, tỉnh...

Thi hành nghị định số: 965-TTg ngày 11-7-1956 của Thủ tướng Chính phủ ban hành điều lệ hành nghề: bào chế thuốc, bán thuốc, chữa bệnh, hộ sinh, chữa răng và tiếp theo thông tư Liên bộ Y tế — Thương nghiệp số: 426-BTN/DK ngày 11-7-1957 về việc chấn chỉnh đăng ký ngành kinh doanh thuốc tây.

Để quản lý chặt chẽ hơn nữa ngành thuốc tây, tránh tình trạng sản xuất không có kế hoạch gây ra ứ đọng lãng phí và để ngăn ngừa mọi hoạt động đầu cơ tích trữ lũng đoạn thị trường Liên bộ xét cần quản lý tồn kho các nguyên dược liệu chính hiện còn trong tay các hiệu thuốc tây, các Bệnh viện tư nhân, các Nhà hộ sinh, trong các nhà buôn, trong các ngành nghề và trong những tư nhân có dự trữ nguyên dược liệu. Những nguyên dược liệu chính cần kê khai ghi ở trong bản phụ lục đính theo thông tư này. Việc quản lý tồn kho là bước đầu để đi đến quản lý sản xuất và quản lý phân phối.

Liên bộ yêu cầu các thành phố, khu, tỉnh cho thi hành việc kê khai đối với mọi tổ chức kinh doanh và mọi cá nhân có những thứ nguyên dược liệu ghi trong bản phụ lục. Đối với các nhà bào chế thuốc tây, phải kê khai toàn bộ nguyên liệu của mình, kê khai thành phẩm tồn kho và kế hoạch sản xuất từng tháng, từng quý.

Để công việc tiến hành được tốt, sau khi kê khai xong, cần phải có kế hoạch quản lý việc sử dụng. Cho nên khi đã kê khai tồn kho, các hiệu thuốc tây, các bệnh viện tư, các nhà hộ sinh, các ngành nghề muốn sử dụng nguyên dược liệu phải báo cáo với các cơ quan y tế và cơ quan công thương (thành phố hay tỉnh) kế hoạch sản xuất và được các cơ quan này duyệt. Riêng đối với các nhà bào chế thuốc tây tư nhân cần pha chế các đơn thuốc hàng ngày thì có thể được sử dụng nguyên dược liệu trong phạm vi cần thiết và báo cáo sau với các cơ quan công thương y tế.

Trong khi tiến hành kê khai cũng như sau khi kê khai, mọi việc buôn bán, di chuyển các nguyên dược liệu nói trên đều phải được phép của cơ quan y tế hay cơ quan công thương.

Việc kê khai nguyên dược liệu này cần tiến hành gấp, Liên bộ yêu cầu các thành phố, khu, tỉnh bố trí kế hoạch cụ thể thực hiện kịp thời và báo cáo về Liên bộ trước ngày 28-2-1958.

Hà-nội, ngày 3 tháng 2 năm 1958

Bộ trưởng Bộ Y tế	K. T. Bộ trưởng
B. S. HOÀNG TÍCH TRÝ	Bộ Thương nghiệp
	Thủ trưởng
	ĐỖ MƯỜI

DANH SÁCH CÁC NGUYÊN DƯỢC LIỆU

— Tất cả mọi người, mọi ngành có giữ đều phải kê khai.

- | | |
|-------------------------|--------------------------|
| 1) Atropine và các muối | 13) Calcium gluconate |
| 2) Aspirine bột | 14) Calomel |
| 3) Adrénaline | 15) Chloral hydraté |
| 4) Argyrol | 16) Codéine và các muối |
| 5) Acide chrysophanique | 17) Camphre |
| 6) Antipyrine | 18) Caféine |
| 7) Bismuth carbonate | 19) Cocaïne và các muối |
| 8) — salicylate | 20) Emétine chlorhydrate |
| 9) — s/ nitrate | 21) Euquinine |
| 10) Bromoforme | 22) Fercacodylate |
| 11) Calcium bromure | 23) Glucose |
| 12) — chlorure | 24) Iode métallique |
| | 25) Mercurochrome |